

# Thực trạng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi EVFTA

*Đỗ Tuấn Linh - Phòng Nghiên cứu và dự báo thị trường*

*Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương*

**Tóm tắt:** Có thể nói, EU là một trong những đối tác thương mại truyền thống lớn nhất của Việt Nam và quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và EU đã không ngừng phát triển, được củng cố và tăng cường trong giai đoạn vừa qua. Đặc biệt là việc Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Liên minh châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đã đánh dấu cột mốc quan trọng trên chặng đường gần 35 năm hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu. Hiệp định đã mở ra một giai đoạn mới đầy triển vọng cho mối quan hệ đối tác toàn diện đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả hơn, trong đó tạo nhiều cơ hội và thuận lợi mới cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU. Vì vậy, cần có những đánh giá, nhận định về tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi EVFTA được 04 năm nhằm tiếp tục khai thác, tận dụng hiệu quả EVFTA, giữ vững thị trường và gia tăng xuất khẩu, góp phần cho phát triển thịnh vượng và bền vững thương mại Việt Nam thời gian tới.

## 1. Khái quát về tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU giai đoạn 2016-2023

### *Về quy mô, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu*

Kể từ Hiệp định có hiệu lực, đầu gặp phải nhiều biến động do đại dịch Covid-19, song quan hệ kinh tế - thương mại đã thực sự trở thành điểm sáng trong bức tranh hợp tác song phương Việt Nam - EU. Số liệu tại **Bảng 1** cho thấy, năm 2021, Việt Nam xuất khẩu sang EU đạt 40,12 tỷ USD, xuất siêu 23,26 tỷ USD; năm 2022, xuất khẩu sang EU đạt 46,8 tỷ USD, xuất siêu 31,3 tỷ USD và năm 2023 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang EU đạt 43,67 tỷ USD, xuất siêu 28,7 tỷ USD.

Đi vào cụ thể, số liệu tại **Bảng 1** cho thấy, trong giai đoạn 2016 - 2023 xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU đã được mở rộng nhiều về quy mô, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu khá nhanh. Xuất khẩu đã tăng liên tục trong các năm 2016-2018, từ mức 30,9 tỷ USD năm 2015, đã tăng khá mạnh và đạt 41,9 tỷ USD vào năm 2018. Tuy nhiên, xuất khẩu có sự sụt giảm mạnh năm 2019 và tiếp tục giảm năm 2020 do tác động bởi dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu và khu vực EU bị ảnh hưởng nặng nề. Xuất khẩu sang EU đã có sự phục hồi mạnh mẽ năm 2021 và ở mức cao kỷ lục vào năm 2022 với KNKK đạt 46,8 tỷ USD, tăng 16,5% so với năm 2021- một phần là nhờ tác động tích cực của việc thực thi EVFTA. Năm 2023, do ảnh hưởng nghiêm trọng của chiến tranh Nga-Ucraina, các nền kinh tế EU suy giảm tăng trưởng mạnh gần tới ngưỡng của suy thoái với lạm phát tăng cao, nhu cầu bị giảm mạnh, lòng tin của người tiêu dùng giảm cộng với những khó khăn trong nước của Việt Nam và sự sụt giảm tăng

trường của kinh tế thương mại toàn cầu thời hậu Covid-19, khủng hoảng địa chính trị gia tăng, biến đổi khí hậu... đã khiến cho xuất khẩu của Việt Nam giảm không chỉ sang EU mà còn sang nhiều thị trường xuất khẩu lớn khác. Xuất khẩu sang EU đã giảm từ đỉnh cao 46,8 tỷ USD năm 2022 xuống còn 43,7 tỷ USD năm 2023, mức giảm tuyệt đối là 3,1 tỷ USD và giảm tương đối là -6,6%.

**Bảng 1. Xuất nhập khẩu Việt Nam – EU\*, 2016-2023**

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	% TTg (16-23)
<b>1. Tổng XKHH (triệu USD)</b>	<b>162.017</b>	<b>176.580</b>	<b>215.119</b>	<b>243.697</b>	<b>264.267</b>	<b>282.629</b>	<b>336.167</b>	<b>371.715</b>	<b>354.721</b>	<b>10,3</b>
Tăng trưởng (%)	-	9,0	21,8	13,3	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	-
<b>2. XK sang EU (tr.USD)</b>	<b>30.928</b>	<b>34.002</b>	<b>38.286</b>	<b>41.986</b>	<b>41.536</b>	<b>35.146</b>	<b>40.123</b>	<b>46.754</b>	<b>43.663</b>	<b>4,4</b>
Tăng trưởng (%)	-	9,9	12,6	9,7	-1,1	-15,4	14,2	16,5	-6,6	-
<b>3. NK từ EU (tr.USD)</b>	<b>10.450</b>	<b>11.170</b>	<b>12.202</b>	<b>13.949</b>	<b>14.969</b>	<b>14.660</b>	<b>16.863</b>	<b>15.424</b>	<b>14.940</b>	<b>4,6</b>
Tăng trưởng (%)	-	6,9	9,2	14,3	7,3	-2,1	15,0	-8,5	-3,1	-
<b>4. Cán cân thương mại (tr.USD)</b>	<b>20.478</b>	<b>22.832</b>	<b>26.084</b>	<b>28.037</b>	<b>26.567</b>	<b>20.486</b>	<b>23.260</b>	<b>31.330</b>	<b>28.723</b>	<b>4,3</b>
<b>5. Tỷ trọng XK của EU trong XKHH (%) (2/1)</b>	<b>19,1</b>	<b>19,3</b>	<b>17,8</b>	<b>17,2</b>	<b>15,7</b>	<b>12,4</b>	<b>11,9</b>	<b>12,6</b>	<b>12,3</b>	<b>-</b>

Ghi chú: \* Kể từ năm 2020, số liệu kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU không bao gồm nước Anh

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê

Nhìn chung, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU có sự biến động khá nhiều trong giai đoạn 2016 - 2023, với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân hàng năm sang thị trường này đạt 4,4%, chưa bằng một nửa so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân chung của cả nước (10,3%) trong cùng giai đoạn. Do đó, kéo theo thị phần xuất khẩu sang thị trường EU có xu hướng giảm sút, từ việc chiếm 19,3% trong tổng KNXK hàng hóa của Việt Nam năm 2016, xuất khẩu sang thị trường EU chỉ còn chiếm 12,3% tổng KNXK hàng hóa của Việt Nam năm 2023, thậm chí thị phần này đã có lúc xuống đáy chỉ chiếm 11,9% năm 2021. Kết quả này có thể do nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan. Về khía cạnh tích cực, điều đó chứng tỏ Việt Nam đã đạt được mức độ đa dạng hóa thị trường lớn hơn và phát triển thêm nhiều thị trường mới ngoài EU cho xuất khẩu. Nhưng cũng có thể, kết quả giảm thị phần là do hàng hóa của Việt Nam chất lượng còn thấp, sức cạnh tranh còn yếu, chưa đáp được các yêu cầu và tiêu chuẩn khắt khe của thị trường đòi hỏi cao EU nên bị mất thị phần vào tay các đối thủ cạnh tranh khác...

## Về thị trường xuất khẩu

Thị trường xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên EU cũng nằm trong xu thế chung của phát triển thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong giai đoạn 2016 - 2023. Đó là thị trường xuất khẩu không ngừng được mở rộng, đa dạng hóa, khai thác và phát triển thêm nhiều thị trường ngách, thị trường tiềm năng mới cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Nếu như, năm 2016, mới chỉ có 7 thị trường trên tổng số 27 thị trường thành viên EU nằm trong số các thị trường có KNXK đạt trên 1 tỷ USD của Việt Nam và chỉ có 2 thị trường xuất khẩu đạt kim ngạch trên 5 tỷ USD, thì đến năm 2018, số nước thành viên EU mà KNXK hàng hóa của Việt Nam đạt trên 1 tỷ USD đã tăng lên 10 nước, chiếm hơn 2/3 số lượng thành viên của EU 27. Trong đó, xuất khẩu sang Thụy Điển, Ba Lan và đặc biệt là Slovakia đã gia tăng mạnh mẽ để trở thành một trong những thị trường có kim ngạch xuất khẩu tỷ USD của Việt Nam.

Xu thế tăng KNXK sang thị trường các nước thành viên EU vẫn tiếp tục các năm sau đó và đạt đỉnh cao vào năm 2022 khi lần đầu tiên KNXK của Việt Nam sang một nước thành viên của EU là Hà Lan đạt trên 10 tỷ USD, nằm trong top 6 nhà xuất khẩu hàng hóa hàng đầu của Việt Nam. Năm 2023, do những khó khăn cả bên trong và bên ngoài, XKHH của Việt Nam sang Thụy Điển đã giảm sút mạnh, khiến cho nước này không còn nằm trong số 10 thành viên của EU mà Việt Nam đạt mức xuất khẩu trên 1 tỷ USD nữa.

**Bảng 2. Top 10 thị trường xuất khẩu của Việt Nam sang EU\***

*Đơn vị: triệu USD*

TT	Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
	XK sang EU	30.928	34.002	38.286	41.986	41.536	35.146	40.123	46.754	43.663
	<i>Trong đó:</i>									
1	Hà Lan	4.760	6.014	7.105	7.076	6.879	6.999	7.685	10.430	10.241
2	Đức	5.708	5.959	6.362	6.869	6.551	6.644	7.288.	8.968	7.400
3	Ý	2.951	3.265	2.738	2.902	3.439	3.117	3.879	4.430	4.474
4	Tây Ban Nha	2.299	2.293	2.517	2.627	2.717	2.130	2.546	2.962	3.309
5	Bỉ	1.779	1.967	2.254	2.409	2.549	2.314	3.602	3.976	3.228
6	Pháp	2.949	2.999	3.349	3.761	3.762	3.296	3.209	3.697	3.172
7	Áo	2.188	2.631	3.705	4.069	3.266	2.882	3.022	2.458	2.536
8	Ba Lan	585	597	775	1.334	1.498	1.774	2.066	2.291	2.451
9	Slovakia	275	416	703	1.026	912	1.165	1.239	1.037	1.037
10	Thụy Điển	936	914	971	1.155	1.183	1.126	1.199	1.264	946

*Ghi chú: \* Kể từ năm 2020, số liệu kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU không bao gồm nước Anh*

*Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ số liệu Niên giám thống kê, Tổng cục Thống kê*

## Về mặt hàng xuất khẩu

Do EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với tư cách là một đối tác thương mại thống nhất nên cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU về cơ bản cùng xu hướng tương tự như cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới, ngoại trừ một số đặc thù riêng từ kết quả phát triển quan hệ kinh tế thương mại giữa hai bên và những khác biệt về các yếu tố tác động bên ngoài. Có thể thấy, thời gian gần đây hàng hóa xuất khẩu sang EU đã được đa dạng hóa, phát triển mới, phong phú hơn và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu và yêu cầu của thị trường EU - vốn được đánh giá là yêu cầu cao và rất khắt khe.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU năm 2023 xếp theo thứ tự 10 mặt hàng có kim ngạch lớn nhất lần lượt là điện thoại và linh kiện; máy móc, thiết bị, phụ tùng; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; hàng giày dép; dệt may; sắt thép; cà phê; phương tiện vận tải và phụ tùng; thủy sản; túi xách, vali, mũ ô dù. Nhìn chung, nhóm 10 mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sang thị trường EU cũng giống như nhóm 10 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, ngoại trừ 2 nhóm cà phê và sản phẩm túi xách, va li, mũ ô dù thay thế cho 2 nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ và nhóm máy ảnh, máy quay phim và linh kiện.

Ngoài ra, có thể thấy các mặt hàng thực phẩm, nông sản và thủy sản của Việt Nam đã ngày càng thâm nhập tốt hơn thị trường EU. Đáng kể là hạt điều, gỗ và sản phẩm gỗ, rau quả, bánh kẹo, hàng mây, tre, cói thảm... nằm trong top 20 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang EU với kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt từ 100 triệu USD trở lên.

**Bảng 3. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường EU, 2021-2023**

*Đơn vị: 1.000 USD*

STT	Mặt hàng	2021	2022	2023	Tăng trưởng (%) 2023/2022
	<b>Tổng KNXK sang EU</b>	<b>40.123.000</b>	<b>46.754.000</b>	<b>43.663.000</b>	<b>-6,6</b>
1	Điện thoại các loại và linh kiện	7.709.128,9	6.496.588,5	6.693.830	3,0
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	4.053.780,3	5.628.613,4	5.544.210	-1,5
3	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	5.917.243,5	6.351.262,2	5.526.980	-12,9
4	Giày dép các loại	3.948.328,7	5.844.482,6	4.822.889	-17,5
5	Hàng dệt, may	3.253.111,5	4.382.396,4	3.764.446	-14,1
6	Sắt thép các loại	1.886.594,8	1.468.671,9	1.894.984	29,0
7	Cà phê	1.025.456,2	1.491.452,2	1.481.738	-0,6
8	Phương tiện vận tải và phụ tùng	878.877,8	1.105.613,9	1.149.042	3,9

STT	Mặt hàng	2021	2022	2023	Tăng trưởng (%) 2023/2022
9	Hàng thủy sản	1.018.501,2	1.223.559,5	869.541	-28,9
10	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	662.499,5	914.688,9	837.840	-8,4

*Nguồn: Tổng hợp và tính toán của nhóm tác giả từ Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2022, 2023 của Bộ Công Thương*

## **2. Đánh giá những kết quả đạt được trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU giai đoạn 2016-2023**

### ***Những kết quả đạt được***

*Thứ nhất*, quy mô xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU ngày càng mở rộng về giá trị tuyệt đối với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang EU tương đối nhanh đã duy trì và củng cố thị phần xuất khẩu sang thị trường EU luôn trong Top 3 nước và thị trường thống nhất có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sau Hoa Kỳ, Trung Quốc. Đặc biệt, từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực vào ngày 01 tháng 8 năm 2020, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đã đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn giai đoạn trước và vươn lên đạt đỉnh cao nhất vào năm 2022, với kim ngạch đạt 46,8 tỷ USD và tốc độ tăng trưởng đạt 16,5% - một tốc độ tăng cao nhất trong cả giai đoạn 2016-2023, cao hơn tốc độ tăng trưởng 2021 là 14,2% và cao hơn hẳn tốc độ tăng trưởng cao nhất của giai đoạn trước khi EVFTA có hiệu lực là 12,6% vào năm 2017. Đây là một thực tế cho phép khẳng định rõ ràng về tác động tích cực của việc thực thi EVFTA đối với tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Do mở rộng xuất khẩu sang thị trường EU thời gian qua, tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU đã tăng lên và Việt Nam trở thành quốc gia có thị phần lớn nhất so với các nước trong khu vực ASEAN xuất khẩu vào EU. Thực thi EVFTA cũng giúp nhiều nhà nhập khẩu EU biết tới các nhà cung ứng, xuất khẩu Việt Nam hơn và mở rộng quan hệ đối tác kinh doanh giữa doanh nghiệp hai bên.

*Thứ hai*, thị trường xuất khẩu sang EU không ngừng được mở rộng và đa dạng hóa, chuyển dịch cơ cấu thị trường diễn ra tích cực. Những thị trường truyền thống hàng đầu EU như Hà Lan, Đức, Italia, Tây Ban Nha, Bỉ, Pháp đã được củng cố và gia tăng kim ngạch xuất khẩu; đồng thời tranh thủ khai thác các thị trường ngách và phát triển thị trường mới, tiềm năng trong 27 thành viên của Liên minh châu Âu. Với kết quả xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD vào 10/27 thành viên của Liên minh châu Âu năm 2022, trong đó Hà Lan có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD - là thị trường đơn lẻ xuất khẩu lớn thứ 5<sup>1</sup> của Việt Nam trên thế giới đã chứng tỏ những nỗ lực đáng khích lệ của các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam trong đa dạng hóa và phát triển thị trường xuất khẩu mới theo

<sup>1</sup> Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, năm 2023, có 5 nước có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD gồm: Hoa Kỳ (97,1 tỷ USD), Trung Quốc (61,2 tỷ USD); Hàn Quốc (23,5 tỷ USD); Nhật Bản (23,3 tỷ USD) và Hà Lan (10,2 tỷ USD).

chiều sâu, đáp ứng những yêu cầu và đòi hỏi rất cao, rất khắt khe của một trong những thị trường có quy định nghiêm ngặt nhất thế giới.

*Thứ ba*, mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU đã được mở rộng và đa dạng hóa đóng góp tích cực và việc mở rộng, đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu chung của Việt Nam ra thị trường thế giới. Chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu diễn ra tích cực, hướng sang phát triển theo chiều sâu giúp nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, giá trị nội địa và hàm lượng công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu và phát huy tác động lan tỏa xuất khẩu không chỉ sang EU mà còn sang các nước và khu vực khác trên toàn cầu.

*Thứ tư*, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ngày càng cải thiện khả năng đáp ứng nhu cầu nhập khẩu của thị trường EU, đặc biệt là sau khi EVFTA có hiệu lực. Nhiều mặt hàng đã khá thành công trong việc tận dụng các ưu đãi từ Hiệp định. Các mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 1 tỉ USD vào thị trường EU trong suốt ba năm qua bao gồm: Điện thoại và linh kiện; máy vi tính; giày dép; máy móc thiết bị phụ tùng; hàng dệt may; cà phê; sắt thép, trừ việc xuất khẩu hải sản giảm năm 2023 xuống dưới 1 tỷ USD, giảm tới 28% do chưa đáp ứng được các tiêu chí gỡ thẻ vàng của EU. Một số mặt hàng có mức tăng trưởng dương trong kim ngạch xuất khẩu năm 2023 so với năm 2022 gồm: điện thoại và linh kiện đạt gần 6,7 tỷ USD tăng 3%; sắt thép đạt gần 1,9 tỷ USD tăng 29%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt gần 1,15 tỷ tăng 3,9%...

*Thứ năm*, các doanh nghiệp Việt Nam đã có sự cải thiện khá rõ năng lực tham gia chuỗi giá trị/chuỗi cung ứng khu vực/toàn cầu của các công ty đa quốc gia EU, từ đó đẩy mạnh xuất khẩu không chỉ sang EU mà còn ra toàn thế giới. Không chỉ hưởng lợi trong hoạt động xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp đã tăng cường nhập khẩu nhiều loại hàng hóa, đặc biệt là máy móc, thiết bị, nguyên liệu từ EU; đồng thời đẩy mạnh hợp tác đầu tư, chuyển giao công nghệ để ứng dụng các giải pháp hiện đại vào sản xuất kinh doanh, tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất của các doanh nghiệp EU. Nhiều doanh nghiệp đã nâng cao năng lực trở thành các nhà cung ứng các cấp cho các chuỗi giá trị/chuỗi cung ứng của các công ty đa quốc gia của EU và các nước khác.

### ***Những hạn chế***

Tuy đã đạt được những kết quả tích cực nêu trên, nhưng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU thời gian qua không tránh khỏi còn nhiều ***hạn chế, bất cập***, còn thấp xa so với nhu cầu rộng lớn của thị trường EU và những kỳ vọng của cả hai bên về tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại, ngay cả khi Hiệp định EVFTA đã có hiệu lực thực thi được 4 năm. Một số hạn chế bất cập chính như (i) quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang thị trường EU còn thấp hơn so với quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chung của nền kinh tế và còn khá khiêm tốn so với tiềm năng dung lượng thị trường EU; (ii) xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU chưa thật sự ổn định và bền vững, rất dễ bị tổn thương bởi các cú sốc thị trường. Từ năm 2016 đến nay, xuất khẩu đã trải qua 4 nhịp tăng giảm không đều nhau, xuất khẩu tăng liên tục trong

các năm 2016-2018, chuyển sang giảm vào các năm 2019 và 2020, xuất khẩu lại tăng mạnh trở lại vào các năm 2021 và 2022 trước khi sụt giảm năm 2023. Tất nhiên, việc tăng giảm xuất khẩu này có thể do nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan gây ra, nhưng có những nguyên nhân chủ quan từ bản thân nền kinh tế và ngành hàng xuất khẩu cần được nhìn nhận và đánh giá một cách đầy đủ để có giải pháp phát triển xuất khẩu sang EU nhanh, ổn định và bền vững hơn trong thời gian tới; (iii) thị trường xuất khẩu sang EU đã được mở rộng và đa dạng hóa nhưng việc chưa tận dụng tốt hơn nữa các cơ hội từ hội nhập quốc tế và thực thi EVFTA dẫn đến tăng trưởng xuất khẩu chậm và thị phần của EU trong tổng KNXK chung của Việt Nam giảm sút; (iv) việc đa dạng hóa, phát triển sản phẩm xuất khẩu mới và chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu vẫn chủ yếu theo chiều rộng nên kết quả xuất khẩu đạt được còn hạn chế, nhất là đối với thị trường EU luôn đòi hỏi cao nhất về các yêu cầu chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội, bảo hộ sở hữu trí tuệ...; (v) sức cạnh tranh xuất khẩu và khả năng vượt rào cản nhập khẩu của thị trường EU của doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam còn tương đối thấp. Mức độ tham gia của doanh nghiệp và hàng hóa Việt Nam trong các chuỗi cung ứng/chuỗi giá trị khu vực/toàn cầu của các công ty đa quốc gia EU còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp nguyên liệu dạng thô, sơ chế, hoặc những mắt xích, công đoạn gia công, lắp ráp và hoàn chỉnh sản phẩm có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị/chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu.

### ***Nguyên nhân của những hạn chế***

*Thứ nhất*, EVFTA được ký kết và thực thi trong bối cảnh kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do đại dịch COVID-19; xung đột địa chính trị; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc; xung đột Nga-Ucraina; áp lực lạm phát và xu hướng thắt chặt điều kiện tài chính ở nhiều thị trường khiến cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ở EU sụt giảm ảnh hưởng lớn đến cầu nhập khẩu từ bên ngoài, trong đó có nhập khẩu từ Việt Nam. Việc xuất khẩu sang EU giảm trong năm 2023 nguyên nhân có thể là do kinh tế thế giới nói chung và kinh tế EU nói riêng gặp những khó khăn do nhiều yếu tố xung đột địa chính trị; xung đột Nga-Ucraina; tăng giá hàng hóa trên thị trường thế giới và áp lực lạm phát; lãi suất điều hành và các quy định đối với nhập khẩu có xu hướng gia tăng ở thị trường EU,...

*Thứ hai*, là những quy định nghiêm ngặt và tiêu chuẩn đòi hỏi cao của EU về các lĩnh vực như tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ... đặt ra những thách thức lớn đối với doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam.

*Thứ ba*, là nguyên nhân từ những khó khăn của nền kinh tế Việt nam hiện nay, đặc biệt là trong năm 2023. Việt Nam bước vào thực hiện kế hoạch năm 2023 với cả cơ hội và khó khăn, thách thức. Bên cạnh việc xử lý các tác động, thách thức từ bối cảnh quốc tế, Việt Nam cũng phải nỗ lực xử lý, tháo gỡ những vấn đề tồn đọng, tích tụ từ nhiều năm trong nền kinh tế..., đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm các cân đối lớn và tháo gỡ khó khăn cho

hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh cầu từ bên ngoài và từ EU suy yếu do lạm phát tăng nhanh trên toàn cầu khiến các nền kinh tế lớn liên tục tăng lãi suất để thực hiện thắt chặt chính sách tiền tệ, nhu cầu tiêu dùng và mở rộng đầu tư theo đó cũng suy giảm; Cầu trong nước cũng hồi phục chậm trên cả hai lĩnh vực tiêu dùng và đầu tư, biểu hiện qua các chỉ số tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng và tăng trưởng tín dụng đều đạt mức tăng thấp so với tốc độ tăng của cùng kỳ năm trước.

*Thứ tư*, sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam còn thấp cả trên 3 cấp độ quốc gia, ngành/sản phẩm và doanh nghiệp. Sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp là nguyên nhân bao trùm, đồng thời phản ánh kết quả xuất khẩu hàng hóa sang EU chưa đạt như kỳ vọng và giảm sút năm 2023. Cũng như khiến Việt Nam chưa khai thác, tận dụng một cách tốt nhất những cơ hội mở ra từ việc thực thi EVFTA cho phát triển bền vững kinh tế xã hội đất nước.

Mặc dù đã được cải thiện rất nhiều, sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam đến nay vẫn còn nhiều hạn chế do ba nút thắt chủ yếu là thể chế kinh tế thị trường chưa hoàn thiện, kết cấu hạ tầng của nền kinh tế còn thấp và chậm được cải thiện, chất lượng nguồn nhân lực thấp. Trong khi đó, sản phẩm của Việt Nam sức cạnh tranh còn yếu, sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, chất lượng không đồng đều do dây chuyền công nghệ sản xuất còn lạc hậu, việc ứng dụng công nghệ và thành quả của CMCN 4.0 trong sản xuất còn hạn chế; cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chuyển biến chậm, chủ yếu là hàng thô, sơ chế, chưa có thương hiệu, nhãn hiệu, mức độ đa dạng hóa còn thấp và phụ thuộc nhiều vào các nguyên vật liệu và bộ phận nhập khẩu từ nước ngoài... Đối với doanh nghiệp Việt Nam mà hơn 90% số lượng doanh nghiệp là DNNVV với nhiều hạn chế trên tất cả các mặt từ vốn đầu tư, nguồn nhân lực quản lý và vận hành doanh nghiệp, chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh cũng như R&D và ứng dụng công nghệ tiên tiến... bên cạnh đó, năng lực liên kết, hợp tác doanh nghiệp còn thấp, càng làm phân tán các nguồn lực nhỏ lẻ, hạn chế càng làm giảm sức cạnh tranh và đặt ra nhiều thách thức hơn đối với khu vực doanh nghiệp.

### **3. Giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU**

#### ***Về phía cơ quan quản lý***

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các cam kết trong lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, phương án cam kết cắt giảm/xóa bỏ thuế nhập khẩu hàng hóa và các cam kết về tiếp cận thị trường của Hiệp định EVFTA để nâng cao sự hiểu biết của người dân và doanh nghiệp về các cam kết của Hiệp định.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, hành lang pháp lý, bổ sung một số đạo luật quan trọng như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, một số Luật về thuế... nhằm tiếp tục đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gia nhập thị trường và thực hiện hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp. Cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh tái cấu trúc nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nhằm đáp ứng những cam kết và thể hiện quyết tâm của



nước ta khi chấp nhận các “luật chơi” quốc tế, nhất là thị trường các nước phát triển như EU.

- Nâng cao hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tập trung vào các hàng hóa có lợi thế xuất khẩu, các thị trường tiềm năng và các thị trường ngách nhằm đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Bộ Công Thương cần tiếp tục chỉ đạo Thương vụ và các đơn vị liên quan tăng cường thực hiện các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, mở rộng thị trường, tập trung khai thác lợi thế xuất khẩu của Việt Nam.

- Đẩy nhanh việc xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu. Thúc đẩy việc xây dựng, hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn riêng phổ biến tại các thị trường xuất khẩu chính có khả năng tạo ra các rào cản thương mại đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Phổ biến, tư vấn, đào tạo doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu về áp dụng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa vào thị trường EU.

- Tiếp tục đàm phán, ký kết và triển khai các hiệp định thương mại song phương và đa phương theo hướng tạo thuận lợi và nâng cao lợi thế cạnh tranh cho hàng xuất khẩu Việt Nam trên thị trường EU rộng lớn.

- Có chính sách đầu tư, khuyến khích đầu tư mạnh hơn nữa để phát triển công nghiệp phụ trợ nhằm đảm bảo thỏa mãn yêu cầu về xuất xứ: Nhà nước cần xác định về các ngành xuất khẩu mũi nhọn và quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ. Với nguồn lực có hạn, Việt Nam không thể phân tán lực lượng mà phải tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ mũi nhọn như: Dệt may, giày dép... và lắp ráp (như ô tô, xe máy, thiết bị điện và điện tử).

### ***Về phía doanh nghiệp***

- Cộng đồng doanh nghiệp cần sát cánh với các cơ quan Chính phủ trong những nỗ lực thực thi EVFTA. Cả Nhà nước lẫn doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các cam kết, thách thức, cơ hội liên quan ngành và lĩnh vực của mình để định vị lại mình và phải hành động ngay, tái cấu trúc các thị trường, bạn hàng, nguồn cung ứng... nhằm tận dụng các cơ hội mà hiệp định mang lại.

- Tiếp tục nỗ lực cải cách thể chế, củng cố những nền tảng cạnh tranh minh bạch và công bằng; phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa các mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy liên kết, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo ra hệ sinh thái cộng sinh cùng có lợi giữa các FDI với doanh nghiệp trong nước.

- Các doanh nghiệp phải đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh, nỗ lực đổi mới mô hình, chiến lược kinh doanh, hướng tới những chiến lược dài hạn cũng như phát triển bền vững. Có như vậy, doanh nghiệp Việt Nam mới có thể tạo dựng được nền tảng tương tác vững chắc với thị trường EU nói riêng và thị trường thế giới nói chung trong bối cảnh mới.

- Các doanh nghiệp cần chủ động cập nhật thông tin về các cơ hội thị trường, tìm hiểu nội dung mà EVFTA mang lại. Đặc biệt là các cam kết liên quan tới thuế quan, đến hàm lượng giá trị gia tăng nội địa của các hàng hóa và các hàng rào kỹ thuật khác. Chủ động điều chỉnh quy trình sản xuất, nguồn nguyên liệu để đáp ứng được quy tắc xuất xứ của Hiệp định, chuyển hướng nguồn nhập khẩu sang các nguồn nguyên liệu trong nước hoặc từ các nước thành viên EVFTA.
- Thay đổi nhận thức, không buôn bán theo kiểu bán lẻ, bán sỉ mà phải thích ứng theo tiêu chuẩn mà thị trường đòi hỏi và coi nhu cầu của thị trường là phần không thể thiếu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tích cực tiếp cận thông tin, học hỏi những bài học quá khứ của các nước và của chính Việt Nam.
- Chấp nhận và nâng cao khả năng thích ứng với những rào cản về vệ sinh an toàn thực phẩm, chống bán phá giá, những rào cản kỹ thuật khác của các thị trường văn minh. Không để bị động, doanh nghiệp cần chủ động ứng phó ngay từ đầu để có thể kiểm soát được sản phẩm của mình. Điều này sẽ tạo ra một quy trình mới về tư duy chiến lược, cách điều hành bộ máy, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chủ động đầu tư cho con người, máy móc và công nghệ hướng tới hoạt động nghiên cứu phát triển, thiết kế sản phẩm và nâng cao năng suất và cắt giảm chi phí đến mức tối đa. Chỉ khi chủ động tham gia vào các công đoạn tạo ra giá trị gia tăng cao, doanh nghiệp Việt Nam mới được hưởng lợi thực sự từ các FTA nói chung và EVFTA nói riêng.
- Nỗ lực tự thân vận động, nâng cao trình độ quản trị theo tiêu chuẩn quốc tế, hướng tới sản xuất minh bạch, đổi mới công nghệ để đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều, ổn định; đồng thời, nâng cao trình độ, nhận thức của người lao động trong hợp tác kinh tế quốc tế.
- Phải nỗ lực, nâng cấp nền tảng năng lực cạnh tranh của chính mình về mô hình kinh doanh, về chiến lược, quản trị, nhân lực, chất lượng hàng hóa và dịch vụ theo tiêu chuẩn châu Âu... Không có nền tảng là năng lực cạnh tranh bền vững thì không thể hội nhập thành công. Thị trường trong nước với hơn 90 triệu dân trong một nền kinh tế đang cất cánh, sẽ là bệ đỡ, là điểm tựa cho các doanh nghiệp Việt vươn ra thị trường thế giới. Về lý thuyết, ở những lĩnh vực nào có đối đầu trực tiếp giữa doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp EU thì cạnh tranh trong Hiệp định EVFTA sẽ phức tạp hơn. Tuy nhiên, về tổng thể, cơ cấu kinh tế của Việt Nam và các nước EU mang tính bổ sung, tương hỗ lẫn nhau nên ít có cạnh tranh trực tiếp. Nỗ lực vươn lên đương đầu với cạnh tranh sòng phẳng phải là tâm thế của doanh nghiệp thời hội nhập, mà không phải là tiếp tục trông chờ vào bảo hộ.

## **Tài liệu tham khảo:**

1. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2022), *Báo cáo: Việt Nam sau 02 năm thực thi Hiệp định EVFTA từ góc nhìn doanh nghiệp*, NXB Công Thương
2. Viện Quản lý kinh tế trung ương - CIEM (2023), *Đánh giá kết quả ba năm thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) đối với kinh tế Việt Nam*
3. Bộ Công Thương, *Báo cáo xuất nhập khẩu thường niên*, NXB Công Thương
4. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2016, 2023*, NXB Thống kê
5. Cơ sở dữ liệu của Trung tâm thương mại thế giới (ITC)